CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***284 129***	***62 899***	***221 230***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**49 320**	**12 378**	**36 943**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***16 482***	***12 378***	***4 105***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	19/06	1011/06	30/06	TĐ 09-VT	CÁM 4A.1	2 352	2 342	10	25/06		
2		ĐT TMDV VINACOMIN	17/06	952/06	30/06	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030	485	546	DỞ		
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1				SUN GOLD	CÁM 6A.1	10 000	8 038	1 962	DỞ		
4		ĐẠM NINH BÌNH	25/06	1031/06		NB 8218	CÁM 4A.1	3 100	1 513	1 587	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***32 838***		***32 838***			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
7		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
8		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
9		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
10		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
11		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
12		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
13		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
14		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
15		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
16		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
17		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
18		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
19		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
20		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**167 150**	**33 134**	**134 016**			
	Tàu đang làm hàng							***66 300***	***33 134***	***33 166***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 390	410	DỞ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		ĐIỀN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.10	23 000	1 300	21 700			
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***100 850***		***100 850***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600		29 600			TTCO: 18.600- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	25/06	1032/06		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000			
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**51 510**	**8 799**	**42 711**			
	Tàu đã làm hàng							***8 880***	***8 799***	***81***			
1		COALIMEX	21/6	938	30/6	BN - 2056	CỤC 1B	1 000	962	38	25/6	TD	
2		HÀ BẮC	25/6	1434B	30/6	BN - 2089	CÁM 5B.1	1 940	1 931	9	25/6	PT CB	
3		COALIMEX	25/6	1 087	30/6	BN - 1883	CÁM 8A	1 000	991	9	25/6	TD	
4		CP DVVT QNINH	24/6	1 035	30/6	BN - 2728	CÁM 8A	2 280	2 268	12	25/6	TD	
5		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	24/6	1 036	30/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660	1 649	11	25/6	TD	
6		CP VT&KD THAN	24/6	1 043	30/6	BN - 1835	CÁM 8A	1 000	998	2	25/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***42 630***		***42 630***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000			
2		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050			
3		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650			
4		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200			
5		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000			
6		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963			
7		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660			
8		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050			
9		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050			
10		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400			
11		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100			
12		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000			
13		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000			
14		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100			
15		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000			
16		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000			
17		CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000			
18		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300			
20		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000			
21		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989			
22		COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CỤC 1B	1 000		1 000			
23		THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CỤC 1A	1 000		1 000			
24		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CỤC 1B	900		900			
25		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CÁM 8A	1 000		1 000			
26		HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CÁM 7B	1 645		1 645			
27		SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030			
28		CP ĐTTM&DV	23/6	974	30/6	QN - 8785	CÁM 8A	2 100		2 100			
29		CP DVVT QNINH	23/6	1 005	30/6	BN - 2397	CỤC 1B	1 000		1 000			
30		CP ĐTTM&DV	24/6	1 037	30/6	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982			
31		CP ĐTTM&DV	25/6	1435/5	30/6	BN - 1959	CỤC 1B	1 200		1 200			
32		MIỀN BẮC	25/6	1 075	30/6	NB - 6039	CÁM 7B	1 729		1 729			
33		SÔNG HỒNG	25/6	1 076	30/6	BN - 2228	CÁM 8A	950		950			
34		CẦU ĐUỐNG	25/6	1 091	30/6	BN - 2186	CÁM 8A	1 348		1 348			
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**3 450**	**2 361**	**1 089**			
	Tàu đã làm hàng							***2 380***	***2 361***	***19***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/06	1020/06	30/06	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.14	2 380	2 361	19			
	Tàu đã làm lệnh							***1 070***		***1 070***			
1		CP DVVT QUẢN NINH	24/06	1536-B	30/06	BN 2225	CÁM 8C	1 070		1 070			GIA HẠN L1
IV	**KHO CẢNG KM6**							**9 699**	**6 228**	**3 471**			
	Tàu đã làm hàng							***6 250***	***6 228***	***22***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	23/6	980	30/6	CỬA ÔNG 14	Cám 6a.1	2 100	2 098	2	25/6		
2		THAN MIỀN NAM	24/6	1 038	30/6	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400	1 393	7	25/6		
							Cám 5a.1	1 750	1 743	7	25/6		
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	24/6	1 018	30/6	BN 0869	Don 8b	1 000	993	7	25/6		
	Tàu đã làm lệnh							***3 449***		***3 449***			
1		VTT VINACOMIN	23/6	1 004	30/6	BN 2646	Don 8a	869		869		TD	
2		VTT VINACOMIN	24/6	1 046	30/6	BN 2365	Bùn 3c	930		930		TD	
3		KDT NINH BÌNH	25/6	1 088	30/6	QN 8322	Cám 5b.1	1 650		1 650		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**3 000**	**-**	**3 000**			
	Tàu đã làm hàng												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			
1		Hàn Quốc	19/6	21/6		KIMBERLY 1	Cục 4a.3	3 000		3 000			KVDB:3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												